

**ĐỀ THI TRẮC NGHIỆM**  
**MÔN Dược Lý Lần 1**  
Thời gian làm bài: 15 phút;  
(40 câu trắc nghiệm)

**Mã đề thi 132**

- Câu 1:** Tác dụng nào làm giới hạn sử dụng thuốc ức chế adrenergic?
- A. Rối loạn giấc ngủ do chẹn alpha
  - B. Tổn thương đáp ứng với đường huyết do chẹn alpha
  - C. Cho thất phế quản do chẹn alpha
  - D. Suy tim sung huyết do chẹn beta
  - E. Tăng nhãn áp do chẹn beta
- Câu 2:** Thuốc kháng virus nào sau đây gây độc thận và hạ calci huyết
- A. Idoxuridin      B. Foscarnet      C. Amantadin      D. Acyclovir      E. Ganciclovir
- Câu 3:** Nơi nào không phải là vị trí của receptor nicotinic?
- A. Hạch giao cảm
  - B. Cơ trơn phế quản
  - C. Hạch đối giao cảm
  - D. Cơ vân
  - E. Receptor kích thích trên tế bào Renshaw tủy sống
- Câu 4:** Một số kháng sinh có thể gây thiếu máu tiêu huyết ở bệnh nhân thiếu G6PD như, ngoại trừ:
- A. Chloramphenicol      B. Nitrofurantoin      C. Sulfonamid      D. Pyrimethamin
- E. Quinolon
- Câu 5:** Epinephrin không gây tăng nồng độ chất nào dưới đây?
- A. Glucose huyết      B. Acid béo tự do huyết      C. Lactate huyết
- D. AMP vòng ở tim      E. TG ở tế bào mỡ
- Câu 6:** Chọn câu đúng. Theophyllin:
- A. Clearance như nhau ở mọi lứa tuổi
  - B. Cửa sổ trị liệu thấp
  - C. Không có tác dụng kháng viêm
  - D. Có lợi trong cơn hen cấp vì khởi đầu tác dụng nhanh
  - E. Sử dụng điều trị thay thế tốt hơn LABA
- Câu 7:** Pilocarpin được dùng để:
- A. Cấp cứu glaucoma góc đóng      B. Trị glaucoma góc mở
- C. Chỉ định trị nhược cơ      D. Giải độc thuốc liệt đối giao cảm
- E. Tất cả đều đúng
- Câu 8:** Dùng được phẩm đường trực tràng, chọn câu đúng:
- A. Tốt hơn đường uống vì hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi dịch dạ dày và gan
  - B. Thường dùng penicillin đường này khi không dùng đường khác được.
  - C. Liều dùng cao hơn đường uống vì bị tác động nhiều bởi các vi khuẩn ruột già.
  - D. A, C đúng
  - E. Các câu trên đều sai
- Câu 9:** Phối hợp thuốc kháng sinh nào sau đây là có lợi
- A. Penicilin & enterococci      B. Polymycin & Bactrim
- C. Amphotericin & AG      D. Penicilin & Bactrim
- E. Ampicilin & sulfamethoxazol
- Câu 10:** Chống chỉ định hoặc thận trọng khi dùng propranolol, NGOẠI TRỪ
- A. Đau thắt ngực      B. Hen suyễn      C. Hạ đường huyết      D. Raynaud
- E. Suy tim sung huyết
- Câu 11:** Trong điều trị glaucoma, các thuốc cường đối giao cảm được thay thế bằng chẹn beta hay ức chế anhydrase carbonic là do:
- A. Gây co cơ thể mi      B. Gây giãn cơ vòng mỏng mắt      C. Gây giãn cơ thể mi

- D. Gây co cơ vòng mỏng mắt E. Tất cả đều sai

**Câu 12:** Tỷ lệ TMP/SMZ

- A. 1/2 B. 1/5 C. 1/4 D. 1/6 E. 1/3

**Câu 13:** Câu nào sau đây sai:

- A. Tất cả quinolon và fluoroquinolon ức chế mạnh sự tổng hợp ADN do ức chế ADN gyrase  
B. PABA tạo ra chất tương tự acid folic nhưng không có hoạt tính sinh học  
C. Polymycin chỉ tác động trên nấm mà không tác động trên vi khuẩn gram (-)  
D. Thuốc kháng sinh tác động trên thành tế bào vi khuẩn qua 3 giai đoạn  
E. Sulfonamid ức chế sự tổng hợp acid folic do có cấu trúc tương tự PABA nên sulfonamid cạnh tranh với

**Câu 14:** Thuốc nào được ưu tiên lựa chọn trị bệnh phong?

- A. Dapson B. Clofazimin C. Ethionamid D. Rifampin E. Amithiazon

**Câu 15:** Tiêu chuẩn vàng trị H.Pylori hiện nay là:

- A. Cipro + Levofloxacin B. Amoxicillin + Clarithromycin  
C. Tất cả đều sai D. Tetracyclin  
E. Metronidazol

**Câu 16:** Câu nào sai: Tác dụng phụ của Ethambutol

- A. Viêm thần kinh thị giác B. Sốt, ban đỏ C. Rối loạn tiêu hóa  
D. Nhức đầu E. Độc gan

**Câu 17:** Thuốc nào sau đây không thuộc nhóm thuốc kiểm soát bệnh hen suyễn:

- A. SABA B. ICS C. Theophyllin liều dài D. SCS  
E. LABA

**Câu 18:** Một bệnh nhân điều trị lao bắt đầu hiệu suy giảm thị lực, đó có thể là do thuốc nào sau đây:

- A. Pyrazinamid B. Streptomycin C. Ethambutol D. Rifampin E. Isoniazid

**Câu 19:** Cơ chế tác động khi tác động lên receptor alpha 2?

- A. Ức chế phospholipase C B. Ức chế adenylyl cyclase C. Hoạt hóa adenylyl cyclase  
D. Thay đổi tính thấm với  $Ca^{2+}$  E. Hoạt hóa phospholipase C

**Câu 20:** Điều này sau đây đúng khi nói về thuốc cường giao cảm gián tiếp:

- A. Epinephrin mất hoạt tính do MAO, COMT ở gan, thận  
B. Tác động lên thụ thể adrenergic  
C. Ephedrin chuyển hóa nhanh vì chịu tác dụng của MAO, COMT  
D. Tăng catecholamin nội sinh ở hạch giao cảm  
E. C và D đúng

**Câu 21:** Phác đồ 6 tháng trị lao ngắn hạn gồm các thuốc nào?

- A. Isoniazid, Ethambutol, Streptomycin B. Rifampin, Isoniazid, Pyrazinamid  
C. Rifampin, Isoniazid, ethambutol D. Rifampin, Streptomycin, Pyrazinamid  
E. Rifampin, Ethambutol, Pyrazinamid

**Câu 22:** Một bệnh nhân AIDS bị bệnh phổi xâm lấn do MAC. Chiến thuật điều trị nào sau đây thích hợp nhất:

- A. Dùng rifabutin để ngăn MAC phát triển trong máu.  
B. Streptomycin và INH  
C. INH và rifampin  
D. Rifampin + ethambutol + pyrazinamid  
E. Clarithromycin + ethambutol + rifabutin

**Câu 23:** Thuốc lựa chọn trị nhiễm herpes simplex ở mi mắt và giác mạc:

- A. Carbenicillin B. Bacitracin C. Idoxuridin D. Thiabendazol E. Amphotericin

**Câu 24:** Chọn câu Sai:

- A. Không nên dùng sữa với tetracycline  
B. Dùng sulfonamide vào cuối thai kỳ gây vàng da nhân não ở trẻ  
C. Đối với lái xe, thận trọng khi dùng thuốc kháng H1 và thuốc ức chế TKTU

D. Uống cholestyramin 2-3 giờ trước digoxin

**Câu 25:** Ngộ độc thuốc diệt côn trùng bao gồm các triệu chứng sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Co đồng tử      B. Tiêu chảy      C. Chảy nước mắt      D. Bí tiểu  
E. Đỏ nhiều mồ hôi

**Câu 26:** Đặc điểm nào sau đây là đối kháng hóa học:

- A. Có khi kích thích, có khi ức chế receptor.  
B. Gắn vào receptor hoàn toàn khác và gây tác động ngược lại tác động của chất chủ vận.  
C. Gắn vào receptor và làm bất hoạt receptor trong một thời gian dài.  
D. Chất đối kháng gắn trực tiếp vào chất chủ vận và ngăn chất này tiến đến mục tiêu tác động.  
E. Nếu tăng liều chất chủ vận sẽ gây lại hoạt tính chất chủ vận.

**Câu 27:** Atropin chống co thắt cơ trơn gây ra bởi:

- A. Acetylcholin      B. Bari clorua      C. Histamin      D. Strychnin

**Câu 28:** Thuốc có sinh khả dụng thấp do:

- A. Chuyển hóa ở gan  
B. Sự đẩy thuốc trở về long ruột nhờ CYP450  
C. Sự chuyển hóa thuốc trước hấp thu thông qua CYP 3A4 và 3A5  
D. A, C đúng  
E. A, B, C đúng

**Câu 29:** Hoạt hóa receptor alpha gây ra tác dụng nào sau đây?

- A. Gây giãn mạch      B. Tăng dẫn truyền tim      C. Gây giãn đồng tử      D. Giãn phế quản  
E. Tất cả đều đúng

**Câu 30:** Thuốc vận chuyển qua màng chủ yếu theo cơ chế:

- A. Khuếch tán trực tiếp và ẩm bào      B. Khuếch tán trực tiếp và ẩm bào  
C. Khuếch tán trực tiếp và nhờ chất mang      D. Khuếch tán trực tiếp và qua lỗ xuyên  
E. Cả 4 câu trên

**Câu 31:** Chế độ nào sau đây không dùng để điều trị HIV

- A. Tenofovir + Emtricitabin + Efavirenz  
B. Zidovudin + Lamivudin + Azatanavir/ Ritonavi  
C. Lamivudin + Emtricitabin + Lopinavir/ Ritonavir  
D. Tenofovir + Emtricitabin + Lopinavir/ Ritonavir  
E. Tất cả đều dùng được

**Câu 32:** Ý nào sau đây không là đặc điểm của receptor?

- A. Là phân tử của hệ thống sinh học.      B. Hầu hết receptor là lipid màng tế bào.  
C. Chọn lọc đối với một chất gắn kết chuyên biệt.      D. Là những đại phân tử sinh học.  
E. Chỉ đáp ứng với một tín hiệu chuyên biệt.

**Câu 33:** Thuốc nào thuộc nhóm Thuốc kiểm soát Hen suyễn:

- A. Kháng Cholinergic      B. SABA      C. ICS, SCS      D. Theophyllin  
E. B và C

**Câu 34:** Một PN mang thai được nhập viện và được thông tiểu bằng ống Foley. BN bị nhiễm trùng đường niệu gây ra bởi **P. aeruginosa** và được điều trị bằng **Gentamycin**. Tác dụng phụ nào dưới đây đáng gây nguy hiểm với thai nhi khi BN này điều trị bằng **gentamycin**?

- A. Dị dạng xương      B. Quái thai (teratogenesis)      C. Mù  
D. Chậm phát triển trí tuệ      E. Giảm thính lực

**Câu 35:** Đúng về thuốc kháng H<sub>2</sub> :

- A. Famotidin nhiều tác dụng phụ nhất      B. làm giảm hấp thu alcol      C. Qua hàng rào máu não  
D. Ranitidin mạnh nhất      E. Famotidin kéo dài thời gian bán thải của warfarin

**Câu 36:** Chọn câu sai

- A. Kháng H<sub>2</sub> hấp thu nhanh ở ruột      B. Antacid làm giảm hấp thu ciprofloxacin  
C. Sulcralfat ít tác dụng phụ      D. Cimetidin có tác dụng kháng androgen  
E. Antacid làm tăng hấp thu digoxin

**Câu 37:** Độc tính chủ yếu của Streptomycin:

- A.** Độc thận                      **B.** Độc tai                      **C.** Độc mắt                      **D.** Độc gan  
**E.** Chỉ có A và B đúng.

**Câu 38:** Ở liều thấp, dopamin có tác dụng nào, NGOẠI TRỪ

- A.** Giãn mạch vành                      **B.** Tăng GFR                      **C.** Tăng lưu lượng qua thận  
**D.** Tăng lưu lượng tim                      **E.** B và C

**Câu 39:** Các yếu tố quyết định sự phân phối thuốc tới mô:

- A.** Mức độ thuốc gắn vào protein huyết tương                      **B.** Khả năng tan trong lipid  
**C.** Khả năng ion hóa                      **D.** A , B đúng  
**E.** A, C đúng

**Câu 40:** Điều nào sai về PPI :

- A.** thuốc uống vào là dạng đã có hoạt tính                      **B.** không bền trong môi trường acid  
**C.** trị GERD hiệu quả nhất                      **D.** đặc hiệu cao  
**E.** uống lúc bụng đói

----- HẾT -----